

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-ST

Ngày: 31/8/2022

“V/v tranh chấp di sản thừa
kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Ông Trương Phước Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 468/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 388/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Cao Thị B, sinh năm 1955; nơi cư trú: ấp KH2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

1.2. Bà Cao Thị Kim Y, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp KH2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị B, bà Cao Thị Kim Y: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 423, ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Cao Thị Th, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp KH2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Ông Lê Phước H, sinh năm 1980, Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên Phước H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 12 TĐ (nổi dài), ấp LH, thị trấn CM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Cao Thị PH, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Long Phú, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ông Cao Văn Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp LH, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.3. Ông Cao Hoàng V, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp KH2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

3.4. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: 266-268 N Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An Giang; địa chỉ: số 333 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới; địa chỉ: số 169, tỉnh lộ 942, ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.5. Mai Trúc P đại diện Cửa hàng Vật liệu xây dựng – Trang trí nội thất PD; địa chỉ: số 15A đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp T2, TT CM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Kim V1 đại diện Cửa hàng Gõ - Vật liệu xây dựng PH; địa chỉ: ấp KT, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Kim Ph1; địa chỉ: ấp LT2, xã LĐ, huyện CM, tỉnh An Giang; nơi công tác: Trường Tiểu học LT, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.8. Bà Tổng Thị Th1 (Sáu Lộ), sinh năm 1952; địa chỉ: ấp KH2, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.9. Ông Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp LH, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị B, bà Cao Thị Kim Y trình bày:

Các cụ Cao Hoài Đ1, sinh năm 1921 (đã chết 2014), Phan Thị H2, sinh năm 1928 (chết năm 2012), có 06 người con gồm: Cao Thị B, Cao Thị PH, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Th, Cao Văn C2 (chết năm 2019) và Cao Văn Đấu (đã chết 2014), ông Đấu có vợ con gồm: Lâm Thị Cam (chết 2014), con: Cao Văn Q, Cao Hoàng V.

Do ông Cao Văn C2 chết ngày 06/11/2019 không để lại di chúc, sau khi chết ông C2 được hưởng các khoản tiền: 124.288.350 đồng tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, 35.000.000 đồng tiền tử tuất do Công đoàn cơ sở nhà trường trao 320.000.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội và 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm Bảo Việt. Tổng số tiền ông C2 được nhận: 499.288.350 đồng. Ngày 03/12/2019 các chị em trong gia đình đã làm giấy ủy quyền cho bà Th là người đại diện nhận toàn bộ số tiền trên.

Sau khi nhận, đã thực hiện trả nợ, tiền mai táng và chi phí sửa nhà cho ông C2 với số tiền: 241.500.000 đồng, số tiền còn lại: 257.788.350 đồng; số tiền này anh em trong gia đình có bàn bạc để chia đều cho mỗi anh chị em theo quy định pháp luật, nhưng bà Th không đồng ý chia mà để sử dụng riêng.

Ngoài ra, đối với diện tích đất 125m² và căn nhà gắn liền với đất của ông C2 quản lý, sử dụng đến khi chết, chúng tôi không yêu cầu chia mà để lại để các anh em trong gia đình cùng thờ cúng cha mẹ và ông C2.

Bà Cao Thị B trình bày, các cụ Cao Hoài Đức, sinh năm 1921 (đã chết 2014), Phan Thị Hào, sinh năm 1928 (chết năm 2012), có 06 người con gồm: Cao Thị B, Cao Thị PH, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Th, Cao Văn C2 (chết năm 2019) và Cao Văn Đấu (đã chết 2014), ông Đấu có vợ con gồm: Lâm Thị Cam (chết 2014), con: Cao Văn Q, Cao Hoàng V.

Do ông Cao Văn C2 chết ngày 06/11/2019 không để lại di chúc, sau khi chết ông C2 được hưởng các khoản tiền: 124.288.350 đồng tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, 35.000.000 đồng tiền tử tuất do Công đoàn cơ sở nhà trường trao, 320.000.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội và 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm Bảo Việt. Tổng số tiền ông C2 được nhận: 499.288.350 đồng. Toàn bộ số tiền này, ngày 03/12/2019 các chị em trong gia đình đã làm giấy ủy quyền cho bà Th là người đại diện nhận toàn bộ số tiền trên.

Sau khi nhận, đã thực hiện trả nợ, tiền mai táng và chi phí sửa nhà cho ông C2 với số tiền: 241.500.000 đồng, số tiền còn lại: 257.788.350 đồng; số tiền này anh em trong gia đình có bàn bạc để chia đều cho mỗi anh chị em theo quy định pháp luật, nhưng bà Th không đồng ý chia mà để sử dụng riêng.

Ngoài ra, đối với diện tích đất 125m² và căn nhà gắn liền với đất của ông C2 quản lý, sử dụng đến khi chết, chúng tôi không yêu cầu chia mà để lại để các anh em trong gia đình cùng thờ cúng cha mẹ và ông C2.

Vì vậy, các bà B, Y khởi kiện yêu cầu: Chia thừa kế theo pháp luật số tiền 257.788.350 đồng chia đều cho 05 người, phần các bà B, Y mỗi người được hưởng là: 51.557.670 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; bà B, bà Y đã thống nhất trình bày, xác định lời trình bày cụ thể: trong tổng số tiền do ông C2 để lại đã thực hiện chi vào các khoản: tiền mua vật liệu tại cửa hàng vật liệu xây dựng PD với số tiền 73.169.000đồng; tiền mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Phước Hiền là 59.218.000đồng; tiền cửa nhà, đóng la phong: 7.000.000đồng; tiền cửa rào, sơn B nhà: 25.000.000đồng; tiền tole mua tại Công ty TNHH Một thành viên tole Tấn Dũng là 3.770.000đồng; tiền gạch thẻ (xây dựng) tại Tân Giản là 13.020.000đồng; tiền công thợ xây nhà là 46.200.000đồng; tiền trả ngân hàng Sacombank là 51.000.000đồng; trả tiền hui chết cho bà Phượng là 21.000.000đồng; trả tiền bà Tống Thị Thu (Sáu lộ) là 4.500.000đồng; trả tiền bảo hiểm học sinh, bánh trung thu là 10.000.000đồng; trả tiền công đoàn trường Nguyễn Văn Trỗi 3.000.000đồng; trả tiền hòm (ông C2) là 15.000.000đồng; tiền xây mồ mả cho ông C2 7.000.000đồng.

Với tổng số tiền là 338.877.000 đồng trước đây do việc cộng lại giữa các Bn chưa chính xác, nên tại đơn khởi kiện có trình bày đã chi số tiền là 241.500.000đồng, còn lại phải chia với số tiền là 257.788.350đồng là không đúng.

Nay thay đổi nội dung khởi kiện, số tiền đã chi hết là 338.877.000đồng, số tiền còn lại phải chia là 160.411.350đồng (trong đó có các khoản bà Th đã chi, bà B và bà Y thống nhất là chi trong số tiền này), đó là:

- | | |
|--|-----------------|
| + Tiền đám giỗ ông bà nội của chúng tôi: | 4.000.000đồng. |
| + Tiền đám giỗ ông bà Cố 9 với số tiền: | 4.000.000đồng. |
| + Tiền làm đám giỗ cha, mẹ chúng tôi: | 8.000.000đồng. |
| + Tiền cúng cơm ngày cho ông C2/265 ngày: | 10.000.000đồng. |
| + Làm nhà mồ cho ông bà nội chúng tôi: | 20.000.000đồng. |
| + Sơn bàn ghế đi vắng: | 3.000.000đồng. |
| + Tiền chuyển bệnh (xe chuyển bệnh ông C2: | 800.000đồng. |
| + Tiền bà Y vay: | 10.000.000đồng. |
| + Tiền mua ghế bố: | 2.000.000đồng. |
| Tổng số tiền bà B, bà Y thống nhất, bà Th đã chi là: 61.800.000đồng. | |

Như vậy, số tiền bà B, bà Th thống nhất yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm chia lại cho các anh chị em trong gia đình, chia làm 5 phần là: 160.411.350đồng - 61.800.000đồng = 98.311.350đồng.

Đối với các khoản chi bà Th cho rằng đã chi vào khoản tiền còn lại và cho rằng chi sau khi xây dựng nhà xong như các khoản:

+ Trả bà Tống Thị Thu (Sáu lộ) là 4.500.000đồng; khoản tiền trả tiền công đoàn trường 3.000.000đồng; khoản tiền bánh trung thu, bảo hiểm học sinh 10.000.000đồng; tiền trả nợ hụi của bà Phụng (trường Nguyễn Văn Trỗi) 21.000.000đồng; tiền Ngân hàng 51.000.000đồng; Tiền đồ tạ mả, tiền ăn trong đám ma ông C2 hết 22.000.000đồng; khoản nợ rau cỏ của ông C2: 20.000.000đồng; tiền nhang đèn tại đám ma ông C2 4.000.000đồng; tiền mua giàn máy kraoke, máy giặt, tủ lạnh (bà Th sắm cho gia đình bà Th dùng) là 45.000.000đồng.

Tổng số tiền của các khoản này bà Th cho rằng chi trong số tiền còn lại là: 180.500.000đồng là không chính xác.

Riêng đối với khoản tiền viện phí của ông C2 với số tiền 12.000.000đồng; số tiền này có hóa đơn, nhưng đây là khoản tiền của bà B chi trả, nên không phải là số tiền Bà Th trả, như bà Th trình bày chi trong khoản tiền còn lại.

+ Bà Cao Thị Kim Y trình bày, đối với các lời khai của bà B tôi thống nhất, đối với khoản vay của tôi 10.000.000đồng là tôi vay trong số tiền còn lại, tôi sẽ hoàn trả cho chị em trong gia đình.

Bị đơn bà Cao Thị Th tại biên bản ghi nhận lời khai, biên bản hòa giải trình bày:

Tôi thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của bà Cao Thị B, bà Cao Thị Kim Y và Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án số 468/TB-TLVA ngày 02/12/2020, tôi đúng là được các chị, em trong gia đình gồm bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y, Cao Thị PH ủy quyền để nhận các khoản tiền sau của ông Cao Văn C2 (chết ngày 06/11/2019): 124.288.350 đồng tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, 35.000.000 đồng tiền tử tuất do Công đoàn cơ sở nhà trường trao, 320.000.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội và 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm Bảo Việt. Tổng số tiền ông C2 được nhận: 499.288.350 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đã trình bày, bà Th hoàn toàn thống nhất số tiền mà cùng các chị, em đã chi là 241.500.000 đồng vào việc xây dựng, sửa chữa nhà của ông C2 với mục đích để làm nơi thờ tự ông bà, cha mẹ và ông C2, số tiền còn lại tôi cũng thống nhất là còn 257.788.350 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 30/5/2022, do tôi bị bệnh nên không thể tham gia, bà Y, bà B có thống nhất số tiền đã chi vào sửa chữa nhà gồm: Tiền mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng PD

với số tiền 73.169.000đồng; tiền mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Phước Hiền là 59.218.000đồng; tiền cửa nhà, đóng là phong: 7.000.000đồng tiền cửa rào, sơn B nhà: 25.000.000đồng; tiền tole mua tại Công ty TNHH Một thành viên tole Tấn Dũng là 3.770.000đồng; tiền gạch thẻ (xây dựng) tại Tân Giản là 13.020.000đồng; tiền công thợ xây nhà là 46.200.000đồng. Tổng số là 227.377.000đồng.

Đối với các khoản tiền trước đây, tôi cho rằng đã chi vào khoản tiền còn lại, sau khi sửa chữa nhà là không đúng; nay tôi cũng thống nhất các khoản sau: 51.000.000đồng trả Ngân hàng Sacombank; trả tiền hụi chết cho bà Phượng 21.000.000đồng; trả tiền bà Tống Thị Thu (Sáu Lộ) 4.500.000đồng; trả tiền bảo hiểm học sinh, bánh trung thu là 10.000.000đồng; trả tiền công đoàn trường Nguyễn Văn Trỗi là 3.000.000đồng; trả tiền hom (ông C2) là 15.000.000đồng; tiền xây mồ mả ông C2 là 7.000.000đồng; tổng số tiền đã chi vào các khoản này là 111.500.000đồng, tôi thống nhất là chi vào cùng thời điểm xây dựng, sửa chữa nhà sau khi nhận tổng số tiền 499.288.350 đồng.

Vì thế, thống nhất số tiền đã chi 338.877.000đồng như bà B, bà Y trình bày là đúng; số tiền còn lại là 160.411.350đồng là chính xác.

+ Đối với khoản tiền 12.000.000đồng tiền viện phí của ông C2, thống nhất là bà B có ứng, nhưng sau khi đã chi các khoản về sửa chữa nhà, các khoản khác như đã trình bày ở trên, còn dư lại số tiền là 160.411.350đồng, tôi đã thanh toán lại cho bà B số tiền là 12.000.000đồng (trả trong số tiền còn lại chưa chi).

Đối với các khoản như: Tiền đám giỗ ông bà nội của chúng tôi là 4.000.000đồng; tiền đám giỗ ông bà Có 9: 4.000.000đồng; tiền làm đám giỗ cha, mẹ chúng tôi 8.000.000đồng; tiền cúng cơm ông C2/365 ngày 10.000.000đồng; làm nhà mồ cho ông bà nội chúng tôi 20.000.000đồng; sơn bàn ghế đi vắng 3.000.000đồng; tiền chuyển bệnh (xe chuyển ông C2): 800.000đồng; tiền cho bà Y vay 10.000.000đồng; tiền mua ghế bố 2.000.000đồng; tổng số tiền 61.800.000đồng, tôi thống nhất.

Trong số tiền còn lại là 160.411.350đồng, tôi đã thực hiện thay chị em trong gia đình, chi vào các khoản như: tiền đồ tá mả, tiền ăn trong đám tang ông C2 hết 22.000.000đồng; khoản nợ rau cỏ của ông C2: 20.000.000đồng; tiền nhang đèn tại đám ma ông C2 4.000.000đồng; tiền mua máy karaoke, máy giặt, tủ lạnh 45.000.000đồng, tiền trả bà Ê 12.000.000đồng; tôi đã chi hết là 103.000.000đồng.

Đối với tiền mua máy karaoke, máy giặt, tủ lạnh 45.000.000đồng tôi mua cũng để phục vụ vào việc sử dụng chung trong nhà cửa, chứ không phải sử dụng vào mục đích riêng của gia đình tôi, vì tôi hiện đang ở nhà này, nên đó là vật dụng từ tiền ông C2 có được, nên tôi không phải sử dụng mục đích riêng; đối với số tiền 20.000.000đồng chi tá rau củ, tôi cũng chi trả cho những người mua bán rau cho anh trai tôi (ông C2), nay không thể cung cấp họ, tên, địa chỉ của họ

được, do họ cũng đã di chuyển đi nơi khác, tôi không cung cấp được cho Tòa án; đối với số tiền 10.000.000 đồng do bà Y vay, đây là tiền chung của chị em, nên bà Y đã vay và công nhận thì tốt, nên việc bà Y có trả lại tôi cũng không nhận.

Toàn bộ số tiền còn lại, tôi đã chi vào các việc trả nợ như đã trình bày, mua sắm vật dụng tivi, tủ lạnh, giàn karaoke, cũng như đám giỗ, sơn bàn ghế... như các chị B, chị Y đã thống nhất. Do đã chi hết, nên việc bà B, bà Y yêu cầu chia số tiền 98.311.350 đồng tôi không đồng ý, vì đã chi hết rồi, bản thân tôi và gia đình còn phải ứng tiền của tôi ra để chi thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Cao Hoàng V trình bày: Tôi thống nhất ý kiến của nguyên đơn là bà B, bà Y đề nghị được chia theo yêu cầu của nguyên đơn, thời điểm tôi biết thông tin việc di sản này là khi nhận được Thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án; tôi là con của ông Cao Văn Đấu, bà Lâm Thị Cam (cha mẹ tôi đã chết), cha mẹ tôi có con là: Cao Văn Q và tôi Cao Hoàng V, ngoài ra không còn ai khác.

Trước đây tôi và ông Q không làm văn bản ủy quyền cho bà Th thay mặt chúng tôi nhận tiền của ông C2, nhưng đến nay đã nhận rồi chúng tôi không có ý kiến, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia số tiền 257.788.350 đồng chia làm 5 phần bằng nhau. Nếu được nhận, tôi sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nay tại phiên hòa giải, do phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nên tôi thống nhất số tiền chia làm 5 phần bằng nhau theo yêu cầu của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

- Bà Cao Thị PH trình bày: Tôi thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của bà Cao Thị B, bà Cao Thị Kim Y và Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án số 468/TB-TLVA ngày 02/12/2020, tôi thống nhất là cùng với bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y có ủy quyền lại cho bà Cao Thị Y để nhận các khoản tiền của ông Cao Văn C2 (chết ngày 06/11/2019): 124.288.350 đồng tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, 35.000.000 đồng tiền tử tuất do Công đoàn cơ sở nhà trường trao, 320.000.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội và 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm Bảo Việt. Tổng số tiền ông C2 được nhận: 499.288.350 đồng.

Nhưng nếu có còn tiền tôi có ý kiến: Tôi không nhận khoản tiền thừa kế này (tôi xin từ chối nhận), phần tiền này nếu có được chia tôi cũng xin để lại cho em tôi là Cao Thị Th hưởng để làm tiền thờ cúng, làm đám giỗ ông bà, cha mẹ và em tôi tên C2. Tôi không có ý kiến hay yêu cầu độc lập khác.

Quá trình tố tụng, ông Cao Văn Q vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến; bà Cao Thị PH có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà B, bà Y thống nhất lời trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh; rút thêm một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 22.000.000đồng tiền ăn trong đám ma, tiền tạ mả ông C2; 4.000.000đồng tiền nhang đèn đám ma ông C2 như bà Th đã trình bày.

Đối với khoản tiền 12.000.000đồng tiền viện phí của ông C2, bà B trình bày, do giữa bà với bà Th chưa thống nhất về việc đã trả hay chưa, nên không đề cập giải quyết tại vụ án này.

Bà B, bà Y đều thống nhất, mọi khoản chi, nếu bà Thi muốn chi đều phải thông qua các đồng thừa kế còn lại.

- Bị đơn bà Th trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa. Đối với khoản tiền bà B, bà Y tại phiên tòa rút yêu cầu với số tiền là 26.000.000đồng, bà thống nhất; khoản tiền 10.000.000đồng bà cho bà Y mượn, bà xác định không yêu cầu bà Y phải trả, mặc dù là khoản tiền chung, đối với khoản tiền 12.000.000đồng, tiền viện phí của ông C2, do bà B không công nhận, bà đề nghị không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền là kỷ phần của bà PH, do bà PH giao lại cho bà, quá trình giải quyết vụ án bà đồng ý nhận, nhưng nay bà từ chối không nhận phần này, do không còn tiền để chia. Bà Th công nhận, các khoản chi nếu phải chi đều phải báo cho các chị, em trong gia đình; đối với khoản chi mua giàn máy karaoke, tivi, tủ lạnh, máy giặt bà không báo, vì nghĩ đó là mua vật dụng dùng trong nhà của ông C2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Hoàng V thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, ông khẳng định là cháu ruột ông C2, nhưng do cha ông là ông Cao Văn Đẩu đã chết vào năm 2017, nên với phần tài sản của ông C2 để lại, nếu được chia ông cũng giữ lại, còn không được chia theo quy định pháp luật thì ông hoàn toàn đồng ý, không có thắc mắc, hay khiếu nại gì khác.

Tại phần tranh luận, đối đáp; người bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự trình bày:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án theo ghi nhận ý kiến của bà B, bà Y và bà Th thì đã thống nhất số tiền sau khi C2 trừ các khoản mà các Bn thống nhất đã chi, cũng như tại phiên tòa bà Y, bà B rút tiếp một phần yêu cầu, đến nay số tiền còn phải chia là 72.311.350đồng; do ông Đẩu là anh ông C2 chết trước ông C2, nên đối với yêu cầu chia làm 05 phần đề nghị rút lại yêu cầu này, nên đề nghị Hội đồng

xét xử thực hiện chia làm 04 kỷ phần cho bà B, bà Y, bà Th và bà PH, tính đến nay mỗi kỷ phần được nhận là 18.077.838đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà B, bà Y thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện, với tổng số tiền là 185.477.000đồng, là sự tự nguyện của bà B, bà Y; nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử với số tiền này.

Đối với các khoản tiền đến nay, tại phiên tòa bà Th vẫn khẳng định là chỉ đúng như tiền trả rau củ cho ông C2 khi còn sống 20.000.000đồng, tiền mua giàn máy karaoke, máy giặt, tủ lạnh dùng trong nhà ông C2 với số tiền là 45.000.000đồng, tiền trả bà B với số tiền là 12.000.000đồng, các khoản tiền này do bà Y là người quản lý di sản, khi chỉ đã không báo cho các đồng thừa kế, hơn nữa bà Th khai không khớp số tiền, về số tiền chi viện phí 12.000.000đồng bà Th tại phiên tòa không đề cập xem xét, nên đối với 02 khoản còn lại là không có cơ sở.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, bà Y buộc bà Th phải có nghĩa vụ chia số tiền là 72.311.350đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện với số tiền 185.477.000đồng do bà B, bà Y rút yêu cầu.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày*, theo diễn biến tại phiên tòa hôm nay, thì đến nay nguyên đơn còn yêu cầu phải chia với số tiền là 72.311.350đồng, được chia làm 04 phần, mỗi phần được chia là 18.077.838đồng, công nhận số tiền còn lại là đúng, nhưng đến nay bà Th đã chi hết và không còn để chia, cụ thể bà Th đã chi số tiền 45.000.000đồng vào mua sắm vật dụng gia đình là giàn karaoke, máy giặt, tủ lạnh, tivi, sử dụng trong nhà ông C2 là phù thờ, nhà chung của cả 04 chị em và chi 20.000.000đồng tiền chi trả rau củ, bia cho ông C2 lúc còn sống còn nợ (chị không có hóa đơn), số tiền đã chi là 65.000.000đồng, nay xác định đã chi hết, nên phía nguyên đơn yêu cầu chia không còn để chia.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với khoản tiền

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Cao Hoàng V đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân

sự; bà Cao Thị PH có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với ông Cao Văn Q đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật, ông Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Cao Văn C2 chết năm 2019 không để lại di chúc, theo thỏa thuận của bà B, bà PH, bà Y và bà Th, các bà B, PH, Y ủy quyền lại cho bà Th đại diện gia đình nhận tổng số tiền là 499.288.350đồng, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà B, bà Y đều xác định di sản đến nay còn phải chia là 72.311.350đồng, nhưng bà Th lại cho rằng đã thực hiện chi hết, nên không còn để chia, việc bà Th chi nhưng không có ý kiến của chị, em trong gia đình là không đúng; nên việc bà B, bà Y khởi kiện là có cơ sở.

Về hàng thừa kế của ông C2: Do ông C2 chết năm 2019, không để lại di chúc, ông C2 không có vợ, con, cha mẹ, ông bà ông C2 đã chết trước ông C2; trong số hàng thừa kế thứ hai của ông C2 có ông Cao Văn Đầu (chết năm 2017), có 02 người con là Cao Văn Q, Cao Hoàng V, nhưng do ông Đầu chết trước ông C2, nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự thì ông V, ông Q không phải là thừa kế thí vị của ông Đầu, nên chỉ xác định hàng thừa kế thứ 2 của ông C2 gồm: bà B, bà PH, bà Y và bà Th.

- Về yêu cầu khởi kiện: Theo đơn yêu cầu khởi kiện, thì bà B, bà Y yêu cầu chia với số tiền là 257.788.350đồng, nhưng quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà B, bà Y rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 185.477.000đồng, số tiền xác định còn phải chia là 72.311.350đồng, được chia là 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần được nhận là 18.077.838đồng.

- Về việc từ chối nhận di sản của bà PH: Bà PH quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến, cũng như bà PH tự khai xác định bà không nhận phần di sản do ông C2 để lại, phần này bà giao lại cho bà Th, nhưng bà Th tại phiên tòa từ chối nhận, đối với kỷ phần của bà PH do bà Th từ chối nhận, nên đề nghị không đề cập xem xét giải quyết, giao tiếp tục cho bà Th quản lý.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, bà Y; bà Th phải có nghĩa vụ chia số tiền còn lại là 72.311.350đồng, mỗi kỷ phần được chia là 18.077.838đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với số tiền 185.477.000đồng.

- Không đề cập xem xét giải quyết đối với số tiền 12.000.000đồng, do các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng các Điều 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* các bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Cao Văn C2 là các khoản tiền do ông C2 được nhận sau khi chết do bà Cao Thị Th đại diện theo ủy quyền của các chị em nhận tại các cơ quan, tổ chức; bà Th cư trú tại xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nên yêu cầu kiện của các bà B, Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q, bà Phượng, bà Vui, ông Cận đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, bà Cao Thị PH, đại diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới, bà Nguyễn Kim Phương, bà Tống Thị Thu có đơn xin xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế: Ông Cao Văn C2 chết ngày 06/11/2019, sau đó bà B, bà Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C2, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015, thì thời hiệu thừa kế vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về di sản thừa kế, các đương sự thống nhất di sản thừa kế do ông C2 để lại là khoản tiền 499.288.350đồng, các đương sự sau khi thống nhất các khoản đã chi, nay còn lại số tiền là 98.311.350đồng chưa chia, bà Th là người đang quản lý số tiền này cho rằng đã chi hết, nên không đồng ý chia. Vì vậy, bà Y, bà B đề nghị chia số tiền này theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà B, bà Y thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện tại các khoản bà Th đã chi như: khoản tiền đồ tạ mả, tiền ăn trong đám tang ông C2 22.000.000đồng, tiền nhang đèn tại đám ma ông C2 4.000.000đồng, chỉ còn yêu cầu số tiền phải chia là 72.311.350đồng.

[1.5] Về hàng thừa kế, các đương sự đều thống nhất, xác định hàng thừa kế của ông Cao Văn C2 gồm: khi còn sống, ông C2 không có vợ, con; cha mẹ của ông C2 là các cụ Cao Hoài Đức, sinh năm 1921 (chết năm 2014), Phan Thị Hào, sinh năm 1928 (chết năm 2012); nay ông C2 chỉ có 05 chị em ruột là: bà Cao Thị B, Cao Thị PH, Cao Thị Kim Y, Cao Văn Đầu (chết năm 2017) có 02 người con là Cao Văn Q, Cao Hoàng V và bà Cao Thị Th là đúng quy định tại Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng do ông Cao Văn Đầu chết năm 2017, trước khi ông C2 chết, nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự thì ông Q, ông V không phải là người thừa kế thế vị. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất, xác định hàng thừa kế thứ hai của ông Cao Văn C2 gồm: các bà Cao Thị B, Cao Thị PH, Cao Thị Kim Y và Cao Thị Th.

[1.6] Về tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ, theo thừa nhận của các đương sự: các đương sự đều thống nhất, công nhận các tài liệu: biên bản về việc trao tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động và Biên bản việc việc trao tiền tử tuất cho thầy Cao Văn C2 từ quỹ tương trợ CĐCS trường học (bản phô tô); Biên nhân do bà Nguyễn Kim Phượng xác nhận đề ngày 20/12/2020 (bản phô tô); Hóa đơn bán lẻ (người mua hàng chị 8) đề ngày 10/03/20 (bản phô tô); Hóa đơn bán hàng số 0089629 đề ngày 06/11/19 của Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (bản phô tô); Bản viết tay ghi người mua cô Út ngày 04/01/20 của Gõ - VLXD Phước Hiền (bản phô tô); Bản viết tay ghi người mua Cô 2 + cô Út ngày 04/01/20 của Gõ - VLXD Phước Hiền (bản phô tô); Phiếu mua hàng người mua cô Út đề ngày 10/01/20 (bản phô tô); Bản viết tay ghi người mua cô 2 + cô Út đề ngày 24/12/20 và 26/12/2020 của của Gõ - VLXD Phước Hiền (bản phô tô); Bản viết tay ghi người mua Cô 2 + cô Út đề các ngày 25/12/19 và ngày 28/12/19 của Gõ - VLXD Phước Hiền (bản phô tô); Hóa đơn ghi người mua chị Th của cửa hàng VLXD-Trang trí nội thất Phương – Đào (bản phô tô); Bản viết tay ghi người mua cô Út đề các ngày 02/01/20 và 26/12, 27/12; ngày 03/01/20 của của Gõ - VLXD Phước Hiền (bản phô tô); Hóa đơn bán lẻ người mua “anh Hải Anh” đề ngày 27/12/2019 của Cơ sở sản xuất gạch Tân Giản 1 (bản phô tô); 02 giấy nộp tiền ngày 06/12/2019; 18/12/2019 của Ngân hàng Sacombank (bản phô tô), các đương sự thống nhất khoản tiền do bà Th được ủy quyền nhận của ông C2 là 499.288.350đồng, tổng số tiền đã chi là 338.877.000đồng, số tiền chi cho việc chung là 61.800.000đồng, nên số tiền còn chưa chi là 98.311.350đồng. Do các đương sự thống nhất các tình tiết, tài liệu, nên đây là tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc di sản: ngày 06/11/2019, ông Cao Văn C2 chết, sau khi ông C2 chết các bà B, Y, PH đã ủy quyền cho bà Th với tư cách là người đại diện của gia đình nhận khác khoản tiền: tiền chấm dứt hợp đồng lao động của ông C2 tại Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi 124.288.350đồng; tiền tử tuất của Công đoàn cơ sở trường Nguyễn Văn Trỗi trao 35.000.000đồng; tiền bảo hiểm xã hội của ông C2 được hưởng 320.000.000đồng; tiền bảo hiểm Bảo Việt 20.000.000đồng. Tổng số tiền của ông C2 do bà Th nhận là 499.288.350đồng; trong quá trình tố tụng bà B, bà Th, bà PH, bà Y đều thống nhất tổng số tiền này là chưa chia, nhưng cả bà B, bà Y, bà C2, bà Th đều thống nhất đã chi vào các khoản khác nhau, nên còn lại một phần này đến nay còn, nên bà B, bà Y đề nghị chia theo quy định pháp luật.

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* do ông C2 chết, không để lại di chúc, ông C2 không có vợ con, cũng như ông, bà, cha, mẹ của ông C2 đã chết trước ông C2. Ngày 26/11/2020, bà B, bà Y là hàng thừa kế thứ hai của ông C2 có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C2, nay do bà Th đang quản lý với

số tiền 499.288.350đồng, sau khi đối trừ các khoản tiền đã chi, cũng như các khoản tiền mà các đương sự đã thống nhất là chi chung, nay còn số tiền là 98.311.350đồng, nhưng bà Cao Thị Th cho rằng, số tiền này bà đã thực hiện chi trả tiền đồ tạ mã, tiền ăn trong đám tang ông C2 hết 22.000.000đồng; khoản nợ rau cỏ của ông C2: 20.000.000đồng; tiền nhang đèn tại đám ma ông C2 4.000.000đồng, tiền mua máy giặt, dàn karaoke, tủ lạnh là 45.000.000đồng, tiền trả bà Ê là 12.000.000đồng. Tổng số tiền bà Th đã chi là 103.000.000đồng, nên không còn để chia số tiền này.

Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đều thống nhất tài sản là di sản của ông Cao Văn C2 để lại chưa chia là số tiền 499.288.350 đồng (*bốn trăm chín mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*), sau khi các đương sự thống nhất số tiền đến nay sau khi trừ đi các khoản chi đã được các đương sự thống nhất, số tiền còn lại là 98.311.350đồng (*chín mươi tám triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm năm mươi đồng*), các bà B, Y đề nghị chia số tiền làm 5 kỷ phần bằng nhau, cho 05 anh chị em trong gia đình là B, PH, Th, Y và Đầu (chết 2017) có 02 con Q, V, nhưng tại phiên tòa bà B, bà Y chỉ yêu cầu chia làm 04 kỷ phần; việc bà B, Y có yêu cầu phân chia di sản theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình tố tụng bà PH có yêu cầu từ chối nhận di sản, giành phần di sản được nhận giao cho bà Th để thực hiện việc chăm sóc, tu bổ nhà thờ, cũng như hương khói cho ông bà, cha, mẹ và ông C2, việc từ chối này của bà PH là phù hợp quy định tại Điều 620 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà B, bà Y rút lại một phần yêu cầu với tổng số tiền là 26.000.000đồng (tại 02 khoản: tiền ăn trong đám tang ông C2 hết 22.000.000đồng; tiền nhang đèn tại đám ma ông C2 4.000.000đồng), việc rút yêu cầu của bà B, bà Y tại phiên tòa hoàn toàn tự nguyện, bà Th cũng thống nhất khoản tiền còn lại chưa chia là 72.311.350đồng là chưa chia, nhưng không đồng ý chia do đã chi hết, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa với tổng số tiền là 185.477.000đồng và đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản của ông C2 làm 05 phần, do tại phiên tòa bà B, bà Y rút yêu cầu, việc rút yêu cầu là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử theo quy định.

Do đó, xác định đến nay số tiền còn lại cần phải chia sau khi các đương sự đã thống nhất về các khoản đã chi, thanh toán nghĩa vụ của ông C2 là người để lại di sản để lại, thì số tiền còn lại phải chia theo yêu cầu của các nguyên đơn là 72.311.350đồng (*bảy mươi hai triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm năm mươi đồng*). Tuy nhiên, bà Cao Thị Th cho rằng, trong tổng số tiền bà đã nhận, ngoài các khoản đã thống nhất chi như bà B, bà Y đã trình bày, thì bà Th đã chi với số tiền 103.000.000đồng (*một trăm không ba triệu đồng*), bà B, bà Y đều

thừa nhận việc bà Th mua các vật dụng như giàn máy karaoke, máy giặt, tủ lạnh để trong nhà là có, nhưng cả bà B, bà Y, bà Th đều khẳng định khi bà Th mua đã không bàn bạc, báo cho mọi người biết.

Tại phần tranh luận, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn căn cứ lời trình bày của bà Th tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia số tiền 72.311.350 đồng làm 04 kỳ phần bằng nhau, đình chỉ yêu cầu khởi kiện do bà B, bà Y đã rút yêu cầu với số tiền 185.477.000 đồng.

Tại phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th cho rằng, công nhận số tiền còn lại phải chia như Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn yêu cầu là đúng, nhưng bà Th đã chi hết với tổng số tiền đã chi là 65.000.000 đồng, mục đích chia là mua sắm vật dụng gia đình dùng chung, trả tiền rau củ cho ông C2, nhưng không chứng minh được khoản chi này.

Như vậy, về việc chi cả bà Th, người bảo vệ quyền lợi cho bà Th đều công nhận là đúng đã chi, cũng như bà Th tại phiên tòa khẳng định khi chi các khoản 20.000.000 đồng trả tiền mua rau, củ của ông C2 trước khi ông C2 chết và 45.000.000 đồng vào việc mua giàn máy karaoke, tủ lạnh, máy giặt đều không báo cho các hàng thừa kế khác thực hiện nghĩa vụ của người quản lý di sản theo quy định tại Điều 617 Bộ luật dân sự; nên việc bà Th và người bảo vệ cho rằng đã chi hết, nhưng không báo, tài sản bà Th mua là dùng vào nhà chung, và số tiền chi trả cho người thứ 3 bà Th không chứng minh được bằng tài liệu, chứng cứ, con người cụ thể đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bà Th đã thực hiện trả cho người thứ ba (khoản nợ rau, củ của ông C2); nên Hội đồng xét xử thống nhất không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bà Th, cũng như phần đối đáp, tranh luận của người bảo vệ cho bà Th.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y, buộc bà Cao Thị Th phải chia số tiền là di sản thừa kế của ông Cao Văn C2 còn lại cho các đồng thừa kế, số tiền phải chia là 72.311.350 đồng.

- Đối với khoản tiền 12.000.000 đồng bà B, bà Th cho rằng là do bà B đã chi thanh toán viện phí cho ông C2, có hóa đơn, nhưng khoản này chỉ là của cá nhân bà B, không liên quan đến việc giải quyết của vụ án này, cả bà B, bà Th tại phiên tòa thống nhất, không đề cập xem xét tới, nên giành quyền khởi kiện tại vụ án khác cho bà B, bà Th theo quy định pháp luật.

- Đối với kỷ phần của bà Cao Thị PH, bà PH không nhận di sản theo quy định tại Điều 620 của Bộ luật Dân sự và đề nghị phân di sản nếu được nhận giao lại cho bà Cao Thị Th quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Th từ chối nhận phần này, do bà không còn tài sản để chia, nhưng kỷ phần của bà PH hiện nay đang do bà Th quản lý, nên Hội đồng xét xử thống nhất không đề cập xem xét, giải quyết và tiếp tục giao cho bà Th quản lý; nếu bà PH có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác, theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị B, bà Cao Thị Kim Y được chấp nhận và được chia mỗi người một kỷ phần, nên các bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà B sinh năm 1955 là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí cho bà B. Do bà Y đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên phần án phí sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Cao Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng đối với kỷ phần mà bà Th được nhận, theo quy định của pháp luật.

- Đối với kỷ phần của bà Cao Thị PH, do bà Th không nhận, nhưng tiếp tục giao cho bà Th quản lý, kỷ phần này Hội đồng xét xử thống nhất không đề cập xem xét, giải quyết, nên không tính án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Cao Thị PH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 620, khoản 1, khoản 2 Điều 623, 649, 650, 651 và Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 217, 244, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y đối với bà Cao Thị Th

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ 2 của ông Cao Văn C2 gồm: bà Cao Thị B, bà Cao Thị PH, bà Cao Thị Y, bà Cao Thị Th.

1.2. Xác định số tiền còn phải chia theo xác định của các đương sự với số tiền là 72.311.350 đồng (*bảy mươi hai triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm năm mươi đồng*).

Được phân chia làm 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần được nhận số tiền là 18.077.838 đồng (*mười tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng*).

1.3. Buộc bà Cao Thị Th có trách nhiệm giao lại cho bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y mỗi người số tiền là 18.077.838 đồng (*mười tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, Bn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Bà Cao Thị Th được hưởng 01 kỷ phần, tương ứng với số tiền là 18.077.838đồng (*mười tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng*).

1.5. Tiếp tục giao cho bà Cao Thị Th quản lý đối với kỷ phần của bà Cao Thị PH với số tiền là 18.077.838đồng (*mười tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng*).

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 185.477.000đồng (*một trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện, chia kỷ phần làm 5 phần theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị B, Cao Thị Kim Y.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Cao Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định pháp luật.

- Bà Cao Thị Kim Y phải chịu 903.892đồng (*tám trăm lẻ hai nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.289.000 (một triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009046 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà Cao Thị Kim Y được hoàn lại số tiền 385.108 đồng (*ba trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm lẻ tám*).

- Bà Cao Thị Th phải chịu 903.892đồng (*tám trăm lẻ hai nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng*) bà Th phải có nghĩa vụ thực hiện nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

- Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, những người có mặt bà Cao Thị B, bà Cao Thị Kim Y, Cao Thị Th, Cao Hoàng V có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng trong hạn 15 (mười lăm) ngày bà Cao Thị PH, ông Cao Văn Q, Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương do Ngân hàng TMCP Sài Gòn công thương – Chi nhánh An Giang, bà Nguyễn Kim Vui, Mai Trúc Phương, Nguyễn Kim Phương, Tống Thị Thu (Sáu Lộ), Nguyễn Thanh Cận có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự,

tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Chợ Mới (1);
- Các đương sự (đề thi hành) (6);
- Người đại diện theo ủy quyền của đương sự (1);
- Người bảo vệ quyền & Lợi ích hợp pháp cho đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên